

Số: 62/2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017**  
**trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*  
*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*  
*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*  
*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*  
*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*  
*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*  
*Thực hiện Công văn số 299/HĐND-KTNS ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;*  
*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như sau:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được xác định tại các phụ lục kèm theo Quyết định này, gồm:

- a) Phụ lục số 1: Hệ số điều chỉnh đối với đất nông nghiệp.
- b) Phụ lục số 2: Hệ số điều chỉnh đối với đất ở vùng nông thôn.
- c) Phụ lục số 3: Hệ số điều chỉnh đối với đất ở đô thị.

Việc xác định loại đất, mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Chính phủ và Quyết định giá các loại đất của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất tại Khoản 1 Điều này được áp dụng trong các trường hợp:

a) Xác định giá thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định) dưới 20 tỷ đồng.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên, xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 của Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định) dưới 20 tỷ đồng.

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo.

d) Xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

đ) Xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định) dưới 20 tỷ đồng.

e) Xác định tiền thuê đất phải nộp trong trường hợp được Nhà nước cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư và phải nộp tiền thuê đất cho Nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai.

3. Trường hợp tại một số vị trí đất thực hiện dự án trong cùng một khu vực, tuyến đường có hệ số sử dụng đất (mật độ xây dựng, chiều cao của công trình) khác với mức bình quân chung của khu vực, tuyến đường thì cơ quan được giao nhiệm vụ xác định giá đất báo cáo Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định hệ số điều chỉnh giá đất cho từng trường hợp cụ thể.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; thay thế Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm

2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành phụ lục sửa đổi, bổ sung Hệ số điều chỉnh giá đất ở đô thị năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Tỉnh tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Châu Hồng Phúc**